

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/8/2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và ông Nguyễn Văn Vy.

-Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2021; Về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 137/2021/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: 74 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1980; địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: 74 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt, do đã bị tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N kết hôn tự nguyện, đã được UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại 74 đường T, phường T, thành phố Huế. Quá trình chung sống với nhau không có mâu thuẫn. Đến năm 2016, anh Nam có dấu hiệu ngoại tình, về nhà gây gỗ, đánh đập vợ con. Sau đó anh N bỏ đi biệt tích từ năm 2017 cho đến nay không liên lạc gì với chị và gia đình. Năm 2021, chị H có làm đơn yêu cầu tuyên bố anh N là người mất tích. Tại Quyết định số 51/2021/QĐST-DS ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tuyên bố anh Nguyễn Ngọc N là một người mất tích. Nay chị Đỗ Thị H khởi kiện xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H khai chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 09/11/2011. Cả

hai cháu hiện đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Ngọc N: Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, theo quyết định số 51/2021/QĐST-DS ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2021, cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T và cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T (con của anh N chị H) trình bày: Nếu ba mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2021, chính quyền địa phương phường T cho biết: Anh Nguyễn Ngọc N bỏ đi biệt tích từ năm 2017 cho đến nay, hiện vẫn không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Đã bị Tòa án nhân dân thành phố Huế tuyên bố mất tích nên không xét đến .

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hợi.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 09/11/2011 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh N có nơi cư trú cuối cùng tại: 74 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh N có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2006 (quyển số 01, số 87/2006). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào quyết định số 51/2021/QĐST-DS ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Huế thể hiện anh N đã biệt tích từ năm 2017 nên Tòa án đã tuyên bố anh N là một người mất tích; qua xác minh tại địa phương thì cho đến thời điểm hiện nay vẫn không có thông tin gì đối với anh N tại nơi cư trú. Như vậy, thể hiện anh N đã bỏ mặc vợ con, không còn quan tâm đến gia đình và tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa vợ chồng anh N và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 09/11/2011, hiện đang ở với chị H. Do hiện nay anh N là người mất tích nên cần giao các con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H.

Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đỗ Ngọc T, sinh ngày 09/11/2011 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị H tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002550 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Hòa;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

